

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND
V/v đề nghị cung cấp hồ sơ,
tài liệu phục vụ kiểm toán

Đức Phổ, ngày tháng năm 2022

Kính gửi:

- Phòng Tài chính-Kế hoạch thị xã,
- Kho bạc nhà nước Đức Phổ,
- Chi cục thuế Khu vực Đức Phổ - Ba Tơ,
- Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ thị xã.

Thực hiện Quyết định số 696/QĐ-KTNN ngày 13/5/2022 của Tổng Kiểm toán nhà nước (KTNN) về kiểm toán ngân sách địa phương năm 2021 của tỉnh Quảng Ngãi.

Theo yêu cầu của Tổ kiểm toán tại thị xã Đức Phổ thuộc Đoàn Kiểm toán NSDP năm 2021 tại tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp hồ sơ, tài liệu, số liệu năm 2021 và các thời kỳ trước, sau có liên quan để phục vụ công tác kiểm toán, cụ thể như sau:

I. Đối với Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã.

- Hồ sơ, tài liệu lập, phân bổ và giao dự toán năm 2021 (tỉnh và thị xã).
- KHTC 3 năm (2021, 2022 và 2023), KHTC 5 năm (2021 – 2025), kèm theo biểu số liệu và tình hình chi tiết.
- Báo cáo thẩm định dự toán của Sở TC, Ban Kinh tế - NS (xã hội) của TT.HĐND thị xã năm 2021.

1. Về chi thường xuyên

(1) Rà soát lại số liệu đã cung cấp tại thời điểm khảo sát và cập nhật theo số liệu kết xuất tại thời điểm lập báo cáo quyết toán NSNN thị xã năm 2021, cung cấp bản ký xác nhận của Lãnh đạo UBND thị xã – TC & KH – KBNN.

(2) Biểu phân tích số liệu hụt thu cân đối ngân sách huyện năm 2021, phân tích rõ nguyên nhân hụt thu; Tờ trình và phương án xử lý bù hụt thu cân đối ngân sách thị xã.

(3) Phân tích chi tiết thu kết dư 2020; Báo cáo chi tiết việc quản lý, sử dụng nguồn thu kết dư năm 2020 theo lĩnh vực chi, dự án, chương trình và chi thường xuyên khác.

(4) Rà soát, cập nhật số liệu và phân tích nội dung chi chuyển nguồn năm 2020 sang 2021 theo lĩnh vực, dự án, chương trình và thường xuyên; phân bổ và sử dụng nguồn chi chuyển nguồn theo chi tiết của từng lĩnh vực chi, nguồn còn lại chưa sử dụng, chưa chi và nguyên nhân tồn đọng chưa sử dụng.

(5) Chi chuyển nguồn năm 2021 sang 2022 và Quyết định chi chuyển nguồn theo từng lĩnh vực, chi tiết của cấp có thẩm quyền (cung cấp biểu chi tiết chi chuyển nguồn theo từng cấp NS).

(6) Báo cáo Sở Tài chính nguồn và nhu cầu CCTL năm 2021; Thẩm định của Sở Tài chính về nguồn và nhu cầu thực hiện CCTL 2021 của thị xã; Văn bản Phòng Tài chính thẩm định nguồn và nhu cầu thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 cho ngân sách cấp dưới và các đơn vị dự toán cấp I (kể cả đơn vị vừa là đơn vị sử dụng ngân sách đồng thời là đơn vị dự toán cấp I như VP.UBND tỉnh, Ban tài chính Thị ủy, . . .); Báo cáo chi tiết nguồn CCTL của các đơn vị phải nộp lên tập trung nguồn về ngân sách thị xã; Báo cáo việc phân bổ và sử dụng cho các chương trình, dự án và chính sách an sinh xã hội cụ thể và chi tiết.

(7) Thuyết minh chi tiết tình hình phân bổ và sử dụng nguồn dự phòng, kinh phí phòng chống thiên tai, nguồn tăng thu của các năm trước, nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn chi khác ngân sách.

(8) Báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước năm 2021; Tổng hợp danh mục đơn vị được giao cơ chế tự chủ của các đơn vị, mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập và việc giao dự toán chi thường xuyên các năm 2020, 2021.

(9) Báo cáo tình hình thực hiện theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP (hết hiệu lực 15/8/2021) chuyển sang thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ (có hiệu lực 15/8/2021), trong đó báo cáo những nhiệm vụ thị xã có được triển khai theo các nội dung như: (i) Xây dựng danh mục sản phẩm, dịch vụ công trình UBND tỉnh ban hành; (ii) Quyết định giao nhiệm vụ thực hiện sản phẩm, dịch vụ công cho các đơn vị; (iii) Có xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật hoặc xác định đơn giá sản phẩm, dịch vụ công trình UBND tỉnh ban hành. Đồng thời xây dựng quy định về cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ công làm cơ sở nghiệm thu, thanh quyết toán; (iv) Các đơn vị xác định khối lượng sản phẩm, dịch vụ công để xây dựng dự toán kinh phí gửi đơn vị dự toán cấp trên làm căn cứ đề xuất kinh phí; (v) các đơn vị có xây dựng Phương án tự chủ tài chính giai đoạn 5 năm gửi sở ngành thẩm định, trình UBND tỉnh (hoặc thị xã theo phân cấp) phê duyệt.

(10) Các tài liệu liên quan đến chi cung ứng sản phẩm, dịch vụ công và công ích và vốn kinh phí sự nghiệp có tính chất đầu tư, gồm:

- Dự toán chi cung ứng sản phẩm, dịch vụ công và công ích sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên để thực hiện kiểm soát chi NSNN theo phương thức giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu theo danh mục quy định tại Phụ lục I và II Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ (kèm theo bản thuyết minh cơ sở tính toán để lập dự toán) do các đơn vị lập gửi Tài chính.

- Báo cáo thẩm định dự toán chi phí giao nhiệm vụ/đặt hàng/đấu thầu của Phòng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán chi phí (bao gồm: Thuyết minh cơ sở và quy trình thẩm định chi phí cung ứng sản phẩm, dịch vụ công, công ích và các văn bản liên quan làm căn cứ để Sở thẩm định và trình duyệt).

- Danh mục dịch vụ công và công ích được phê duyệt theo ngành, lĩnh vực của địa phương.

- Dự toán chi sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên về cung ứng sản phẩm, dịch vụ công và dịch vụ công ích được phân bổ và giao dự toán chi cho từng sản phẩm, dịch vụ (kinh phí kiến thiết thị chính, kinh phí sự nghiệp đặc thù, . . .) để kiểm soát chi NSNN theo pháp luật tài chính ngân sách quy định.

- Thống kê, tổng hợp danh mục các công trình sử dụng các khoản bổ sung ngoài dự toán, việc bố trí vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách.

- Quyết định giao dự toán cho các đơn vị từ nguồn kinh phí chi thường xuyên về cung ứng sản phẩm, dịch vụ công và dịch vụ công ích được phân bổ và giao dự toán chi cho từng sản phẩm, dịch vụ (kể cả các lần điều chỉnh, bổ sung trong năm).

- Các Quyết định, văn bản về việc bổ sung ngoài dự toán, việc bố trí vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư từ nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách.

(11) Báo cáo tình hình giảm đầu mỗi đơn vị sự nghiệp công lập; giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định trong các đơn vị sự nghiệp công lập (trừ những đơn vị đã bảo đảm tự chủ tài chính) theo quy định tại Thông tư 38/2019/TT-BTC.

(12) Đánh giá việc phân bổ và giao dự toán chi thường xuyên phù hợp với lộ trình thực hiện tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy, nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW và 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương, Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính

(12) Các hồ sơ liên quan đến công tác mua sắm quản lý, sử dụng tài sản công

- Báo cáo tình hình quản lý sử dụng, thanh lý tài sản năm 2021 theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- Tình hình rà soát, điều chuyển, xử lý xe ô tô công tại các cơ quan đơn vị của tỉnh đến hết năm 2021; Chi tiết việc mua sắm, quản lý, sử dụng xe ô tô (*đơn vị mua, chủng loại xe, số tiền mua, số xe ô tô hiện có*);

- Báo cáo tình hình mua sắm tài sản công tập trung năm 2021 (Danh mục chi tiết các gói thầu; Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; dự toán; kết quả đấu thầu);

- Chi tiết biến động tăng giảm đất đai, trụ sở làm việc theo từng đơn vị.

- Báo cáo tình hình xác định giá trị tài sản nhà nước để giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp năm 2021 (nếu có).

(13) Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán năm 2021 của các đơn vị dự toán; Báo cáo quyết toán của thị xã và các xã phường.

(14) Báo cáo xét duyệt và thẩm định quyết toán của Tài chính đối với các đơn vị thuộc ngân sách cấp thị xã và ngân sách các xã và phường.

(15) Quyết định giao biên chế năm 2020 và 2021 của các đơn vị dự toán thuộc thị xã và các xã phường, nguyên nhân tăng giảm số biên chế.

(16) Bảng lương tại thời điểm giao dự toán và Bảng lương tháng 1/2021 của các đơn vị trực thuộc thị xã, cấp xã phường.

(17) Tình hình quản lý sử dụng KP bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh cho ngân sách thị xã năm 2021 và các năm trước còn tồn đọng; chi tiết việc sử dụng, nguồn còn lại chưa sử dụng, nguyên nhân tồn đọng, đã xử lý nộp trả và chưa nộp trả.

(18) Đánh giá việc điều hành chi cân đối ngân sách năm 2021 gắn với nguồn thu cân đối bị giảm so với dự toán thu cân đối năm 2021.

2. Về chi đầu tư

2.1. Công tác lập, phân bổ, giao KHV đầu tư năm 2021

- Công tác lập, thẩm định, phân bổ và giao kế hoạch đầu tư công (kể cả điều chỉnh, bổ sung) năm 2021.

- Công tác lập và phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2.2. Việc ứng trước và thu hồi ứng trước kế hoạch vốn cho các dự án đầu tư (nếu có)

- Các quyết định ứng trước, thu hồi kế hoạch vốn cho các dự án đầu tư trong năm 2021;

- Số liệu, tài liệu về ứng trước kế hoạch vốn cho các dự án dự đến 31/12/2021;

Và các tài liệu khác có liên quan.

2.3. Các nội dung khác

- Tổng hợp danh mục các dự án được lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương trong năm 2021 (*kèm theo các các quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư*).

- Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của một số dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư trong năm 2021.

- Tổng hợp công tác thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu 2021 (có Phụ biểu 03 kèm theo)

- Báo cáo tình hình nợ đọng XD CB đến 31/12/2021 chưa bố trí vốn để thanh toán.

- Báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư năm 2021 của địa phương (*báo cáo 6 tháng và cả năm; đột xuất*).

- Báo cáo tổng hợp danh mục các công trình/gói thầu thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành trong năm 2021.

- Các quyết định, văn bản phân cấp quản lý đầu tư của địa phương (nếu có)

II. Đối với Chi cục Thuế khu vực Đức Phổ - Ba Tư (liên quan đến thu NS thị xã Đức Phổ): Rà soát các nội dung đã cung cấp cho Đoàn khảo sát để cung cấp chính thức số liệu, hồ sơ phục vụ công tác kiểm toán.

1. Công tác lập dự toán thu: Hồ sơ lập dự toán thu NSNN năm 2020 do cơ quan Thuế lập (vòng 1 và vòng 2) và biểu số 04, 05 theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC và Thông tư số 71/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Báo cáo tổng hợp thu nội địa năm 2020 (mẫu BC3A-CT và BC3A-TH); BC10ST-QT, BC10-KV-QT.

3. Báo cáo quyết toán số nộp ngân sách của các doanh nghiệp năm 2021 (đến thời điểm 31/12/2021 theo mẫu BC5C).

4. Nghị quyết của HĐND thị xã và Quyết định giao dự toán thu NSNN năm 2020 của UBND thị xã.

5. Kế hoạch thu NSNN và chỉ tiêu nợ đọng thuế năm 2021 của Cục Thuế.

6. Mẫu báo cáo công tác kê khai thuế theo Quyết định số 879/QĐ-TCT ngày 15/5/2015 của Tổng Cục Thuế.

7. Công tác quản lý nợ thuế, xoá nợ thuế và tiền phạt

- Kế hoạch thu nợ tháng, quý, năm kèm theo các tài liệu liên quan.
- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch quản lý thu nợ tháng, quý, năm.

- Các biện pháp đã thực hiện trong năm (xây dựng chương trình, chỉ tiêu, biện pháp, phân loại nợ, củng cố hồ sơ, đề nghị xoá nợ, phối hợp đơn đốc, cưỡng chế...).

- Các văn bản tham mưu, đề xuất của cơ quan Thuế, văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh về công tác thu nợ và cưỡng chế thuế.

- Báo cáo nợ đọng thuế đến thời điểm 31/12/2020 và 31/12/2021 (Mẫu số 01/QLN; mẫu số 02/QLN; mẫu số 04/QLN; mẫu số 05/QLN; mẫu số 06/QLN; mẫu số 09/QLN; mẫu số 10/QLN; mẫu số 12/QLN; mẫu số 13/QLN) theo Quyết định số 1401/QĐ-TCT ngày 28/7/2015 của Tổng cục Thuế; Tổng hợp nợ đọng thuế, phân tích nợ trong hạn, nợ quá hạn (có khả năng thu, khó có khả năng thu, chờ xử lý).

8. Báo cáo tình hình số lượng NNT trên địa bàn năm 2020: Số lượng đầu năm 2020; số lượng đăng ký và cấp mới MST; số lượng chấm dứt hiệu lực MST; số lượng NNT đến thời điểm 31/12/2020.

9. Báo cáo công tác miễn giảm thuế 2021:

- Mẫu 06, 07/QTr-MGT theo Quyết định số 749/QĐ-TCT ngày 20/4/2015

- Báo cáo kết quả miễn, giảm thuế TNDN năm 2021 theo Luật thuế TNDN.

- Báo cáo kết quả miễn, giảm thuế theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP.

10. Báo cáo công tác gia hạn nộp thuế GTGT, TNDN và tiền thuê đất, thuế TNDN theo Nghị định số 52/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

11. Báo cáo tình hình thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất năm 2021.

12. Báo cáo chi tiết tình hình quyết toán thuế TNDN đối với các DN phát sinh lỗ năm 2021 (Các chỉ tiêu: Doanh thu, giá vốn, Lợi nhuận kế toán trước thuế).

13. Công tác kiểm tra thuế

- Báo cáo chi tiết kết quả kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế.
- Quyết định phê duyệt danh sách kiểm tra tại trụ sở NNT năm 2021 sau điều chỉnh.

- Hồ sơ kiểm tra thuế tại trụ sở NNT đối với các trường hợp sau: Công ty TNHH Bách Bằng, Công ty TNHH Toàn Thắng, Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Khang Thịnh, Công ty TNHH Xây dựng Thành Phát, Công ty TNHH MTV Xây dựng Thạch An, Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ánh Linh, Công ty TNHH MTV Tư vấn và Xây dựng công trình Minh Nhật, Công ty TNHH Xây dựng Minh Hoàn, Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Quang Thành, Công ty TNHH MTV Thương mại Xăng dầu 79.

14. Công tác kế toán, thống kê, quyết toán thuế: Các mẫu biểu, sổ kế toán, báo cáo theo quy định của ngành Thuế.

III. Đối với KBNN thị xã Đức Phổ

1. Về chi đầu tư:

- Các Biểu báo cáo thanh quyết toán vốn đầu tư niên độ NSNN theo Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính.
- Tổng hợp danh mục các công trình tạm ứng kế hoạch vốn quá hạn nhưng chưa có khối lượng hoàn thành để thu hồi. Nêu rõ nguyên nhân.
- Các báo cáo về tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn đầu tư theo quy định Thông tư số 52/2018/TT-BTC ngày 24/5/2018 của Bộ Tài chính.

2. Về thu NS

- Báo cáo thu và vay của NSNN niên độ 2021 (B2-01/BC-NS/TABMIS);
- Báo cáo thu và vay của NSNN theo MLNS niên độ 2021 (B2-02/BC-NS/TABMIS);
- Báo cáo tổng hợp thu NSNN theo sắc thuế niên độ 2021 (B2-03/BC-NS/TABMIS);
- Báo cáo hoàn trả thu NSNN niên độ 2021 (B2-05/BC-NS/TABMIS)

3. Về chi thường xuyên

3.1. Báo cáo quản trị nghiệp vụ KBNN

- Bảng cân đối tài khoản năm 2020 (kết xuất đến 31/12/2020; ngày 31/01/2021).
- Báo cáo các khoản phải thu, phải trả năm 2020 (B9-02/KB/TABMIS);
- Báo cáo các khoản tạm thu, tạm giữ chờ xử lý (B9-04/KB/TABMIS).

3.2. Báo cáo về tổng hợp dự toán

- Tổng hợp phân bổ, giao dự toán chi ngân sách tỉnh (huyện, xã) và chi trả nợ, niên độ 2020 (B1-01b/BC-NS/TABMIS);

- Tổng hợp tình hình phân bổ, giao dự toán chi của các đơn vị dự toán cấp INSTW (cấp tỉnh/huyện) niên độ 2020 (B1-02/BC-NS/TABMIS);

- Tổng hợp tình hình phân bổ, giao dự toán chi thường xuyên của các đơn vị dự toán cấp INSTW (cấp tỉnh/huyện) niên độ 2020 (B1-02a/BC-NS/TABMIS);

3.3. Báo cáo tổng hợp chi ngân sách

- Báo cáo chi và trả nợ vay NSNN, niên độ 2020 (B3-01/BC-NS/TABMIS);

- Báo cáo chi và trả nợ vay NSĐP, niên độ 2020 (B3-02/BC-NS/TABMIS);

- Báo cáo thực hiện chi, trả nợ ngân sách (cấp tỉnh/ cấp huyện/ cấp xã) niên độ 2020 (B3-05/BC-NS/TABMIS);

- Báo cáo thực hiện chi đầu tư XD CB ngân sách (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) niên độ 2020 (B3-05a/BC-NS/TABMIS);

- Báo cáo thực hiện chi thường xuyên ngân sách (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) niên độ 2020 (B3-05b/BC-NS/TABMIS);

3.4. Báo cáo chi chương trình mục tiêu quốc gia

- Chi các chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia, niên độ 2020 (B4-01/BC-NS/TABMIS);

- Chi các chương trình, mục tiêu và dự án quốc gia theo mục lục NSNN niên độ 2020 (B4-02/BC-NS/TABMIS);

3.5. Báo cáo sử dụng kinh phí

- Tình hình sử dụng dự toán chi Đầu tư phát triển NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) theo hình thức rút dự toán niên độ 2020 (B5-01/BC-NS/TABMIS);

- Tình hình sử dụng dự toán chi đầu tư phát triển NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) theo hình thức lệnh chi tiền, niên độ 2020 (B5-02/BC-NS/TABMIS);

- Tình hình sử dụng dự toán chi thường xuyên NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) theo hình thức rút dự toán, niên độ 2020 (B5-03/BC-NS/TABMIS);

- Tình hình sử dụng dự toán chi thường xuyên NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện/cấp xã) theo hình thức lệnh chi tiền, niên độ 2020 (B5-04/BC-NS/TABMIS);

- Tình hình sử dụng dự toán chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới của NSTW (cấp tỉnh/cấp huyện) niên độ 2020 (B5-05/BC-NS/TABMIS);

- Báo cáo tình hình hoạt động ngân sách theo niên độ (Mẫu số B8-03/BC-NS/TABMIS (TT 77/2017/TT-BTC ngày 28/7/2017 của Bộ Tài chính)

IV. Đối với Ban quản lý dự án ĐTXD&PTQĐ thị xã.

Hồ sơ kiểm toán chi tiết của 03 dự án (Hồ sơ, tài liệu, số liệu được lập danh mục và cung cấp theo từng dự án)

- (1) Tuyến đường ĐH.417 (Phổ Ninh - Ba Khâm);
- (2) Cầu Hải Tân và đường dẫn;
- (3) Cầu đập Mồ Côi và đường dẫn

1. Hồ sơ bước lập dự án đầu tư:

1.1. Hồ sơ trình, báo cáo kết quả thẩm định chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư.

1.2. Các Quyết định phê duyệt và hồ sơ bản vẽ quy hoạch về các quy hoạch có liên quan đến dự án: Quy hoạch tổng thể dự án, quy hoạch chi tiết dự án (kể cả các lần điều chỉnh bổ sung - nếu có).

1.3. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (kể cả các lần điều chỉnh - nếu có).

1.4. Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng công trình: Thuyết minh dự án đầu tư xây dựng công trình, thiết kế cơ sở (kể cả các lần điều chỉnh bổ sung dự án - nếu có).

1.5. Các báo giá vật liệu xây dựng làm cơ sở lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư (kể cả các lần điều chỉnh bổ sung - nếu có).

1.6. Hồ sơ năng lực các đơn vị Tư vấn lập dự án đầu tư, lập Thiết kế BVTC-dự toán.

1.7. Và các hồ sơ tài liệu, số liệu khác có liên quan đến quá trình lập dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu có).

2. Hồ sơ bước thiết kế kỹ thuật (nếu có), thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán xây dựng công trình.

2.1. Hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình có kèm theo toàn bộ các bảng tính tiên lượng khối lượng của toàn dự án (kể cả các lần điều chỉnh bổ sung - nếu có).

2.2. Các báo cáo kết quả thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán (kể cả các lần điều chỉnh bổ sung - nếu có).

2.3. Các báo giá vật liệu xây dựng làm cơ sở lập, thẩm tra, thẩm định và phê duyệt dự toán xây dựng công trình (kể cả các lần điều chỉnh bổ sung - nếu có).

2.4. Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng công trình (kể cả các lần điều chỉnh bổ sung - nếu có).

2.5. Các hồ sơ, tài liệu và số liệu khác có liên quan đến quá trình thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (nếu có).

3. Hồ sơ lựa chọn nhà thầu

3.1. Toàn bộ tờ trình phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của tất cả các gói thầu đấu thầu và chỉ định thầu.

3.2. Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu của tất cả các gói thầu đấu thầu

3.3. Hồ sơ yêu cầu, hồ sơ đề xuất của tất cả các gói thầu chỉ định thầu.

3.4. Các văn bản đăng ký thông tin đấu thầu trên Báo Đấu thầu và trang thông tin điện tử về đấu thầu theo quy định.

3.5. Các trang báo Đấu thầu có đăng các nội dung liên quan đến công tác lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

3.6. Các báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

3.7. Toàn bộ các biên bản thương thảo hợp đồng, các hợp đồng, các phụ lục hợp đồng, các biên bản thanh lý hợp đồng (nếu có) của toàn bộ các gói thầu thuộc dự án.

3.8. Cung cấp văn bản cho phép tạm ứng ngoài hợp đồng và HSMT (nếu có).

3.9. Các hồ sơ, tài liệu và số liệu khác có liên quan đến quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có).

4. Hồ sơ thi công xây dựng công trình

4.1. Hồ sơ nghiệm thu giải ngân và thanh toán từng đợt của tất cả các gói thầu.

4.2. Các biên bản nghiệm thu công việc, bộ phận, giai đoạn, hạng mục, toàn bộ dự án đầu tư; hồ sơ quản lý chất lượng (thí nghiệm vật liệu đầu vào; thí nghiệm, kiểm tra chất lượng toàn bộ dự án đầu tư; chứng chỉ xuất xưởng các loại vật liệu, cấu kiện...)

4.3. Toàn bộ các biên bản xử lý kỹ thuật hiện trường (nếu có).

4.4. Bản vẽ hoàn công, báo cáo kết quả thực hiện dự án (nếu có), hồ sơ bảo hành công trình, công tác bảo hành của đơn vị thi công, ...

4.5. Toàn bộ các bản quyết toán khối lượng A-B (đối với trường hợp hạn mục công trình, dự án chưa lập hồ sơ quyết toán).

4.6. Báo cáo chi tiết khối lượng và giá trị khối lượng hoàn thành của từng gói thầu.

4.7. Hồ sơ quyết toán vốn đầu tư hạng mục công trình, công trình, dự án hoàn thành và các quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền.

4.8. Hồ sơ quyết toán và các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền của các gói thầu (nếu có).

4.9. Nhật ký thi công của tất cả các gói thầu xây lắp.

4.10. Toàn bộ các hồ sơ tài liệu khác có liên quan đến quá trình thi công xây dựng công trình (nếu có).

Thời gian cung cấp tài liệu vào hồi 14h00 ngày 23/5/2021 tại UBND thị xã Đức Phổ (qua phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã). Các tài liệu dưới dạng file mềm gửi về địa chỉ mail: **nguyentrasav@gmail.com**. Trong quá trình kiểm toán, theo yêu cầu của Tổ kiểm toán sẽ tiếp tục đề nghị cung cấp bổ sung các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị khẩn trương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH

Vũ Minh Tâm

